

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 27

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11 của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.101.190.141.298	1.468.483.191.443
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		69.000.255.584	31.534.925.989
1. Tiền	111	4	69.000.255.584	31.534.925.989
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		592.894.650.710	464.143.535.703
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	544.937.376.732	359.812.394.004
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	39.253.828.352	89.199.210.592
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		284.750.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	34.719.186.320	33.798.988.322
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.300.490.694)	(18.667.057.215)
III. Hàng tồn kho	140	7	1.303.581.328.299	871.499.141.039
1. Hàng tồn kho	141		1.310.821.909.222	875.137.345.613
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.240.580.923)	(3.638.204.574)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		135.713.906.705	101.305.588.712
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	8.364.428.781	2.825.033.541
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		127.349.477.924	98.452.406.960
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	28.148.211

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.029.583.965	105.542.124.116
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.824.037.706	2.171.230.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	3.824.037.706	2.171.230.000
II. Tài sản cố định	220		81.738.221.862	80.883.279.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	21.591.220.640	23.701.240.771
<i>Nguyên giá</i>	222		49.507.210.624	47.917.186.260
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27.915.989.984)	(24.215.945.489)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	60.147.001.222	57.182.038.297
<i>Nguyên giá</i>	228		62.379.344.258	59.040.982.898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.232.343.036)	(1.858.944.601)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	26.679.655.700	21.926.405.700
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.733.905.700	21.916.405.700
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.945.750.000	10.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.787.668.697	561.209.348
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	699.552.512	504.409.348
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.088.116.185	56.800.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.215.219.725.263	1.574.025.315.559

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B01a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.436.304.164.679	882.726.883.731
I. Nợ ngắn hạn	310		1.431.353.453.727	880.126.440.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.1	544.808.082.830	222.387.258.914
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.2	12.371.717.617	653.079.909
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	11.488.733.641	7.379.951.962
4. Phải trả người lao động	314		19.893.642.434	18.506.704.260
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	12.023.795.471	6.945.067.591
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	284.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.649.392.390	3.025.931.117
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	825.118.089.344	620.944.447.016
II. Nợ dài hạn	330		4.950.710.952	2.600.442.962
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	4.950.710.952	2.600.442.962
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		778.915.560.584	691.298.431.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	778.915.560.584	691.298.431.828
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		407.517.470.000	407.517.470.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		407.517.470.000	407.517.470.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		61.233.761.416	61.233.761.416
4. Cổ phiếu quỹ	415		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		400.000.000	400.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		316.037.266.334	228.420.137.578
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		195.939.915.178	147.224.474.487
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		120.097.351.156	81.195.663.091
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.215.219.725.263	1.574.025.315.559

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2019



Huỳnh Tuấn Kiệt
Người lập biểu



Nguyễn Trần Tuyên
Kế toán trưởng



Doãn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
01	18.1	1.570.075.255.836	1.115.027.636.045	5.946.089.117.463	3.817.463.995.412	
02	18.1	(20.217.130.045)	(17.985.597.344)	(59.230.505.839)	(43.872.129.928)	
10	18.1	1.549.858.125.791	1.097.042.038.701	5.886.858.611.624	3.773.591.865.484	
11	19	(1.441.413.686.481)	(1.012.463.338.795)	(5.537.841.978.984)	(3.510.267.852.656)	
20		108.444.439.310	84.578.699.906	349.016.632.640	263.324.012.828	
21	18.2	12.591.719.878	7.173.223.122	32.375.848.598	24.460.633.692	
22	20	(12.787.169.537)	(8.426.295.068)	(37.939.981.031)	(23.335.083.392)	
23		(12.194.355.223)	(8.182.296.678)	(31.371.622.918)	(22.150.006.505)	
24	21	(33.085.999.956)	(43.179.710.774)	(114.429.321.174)	(115.187.372.931)	
25	21	(28.171.168.433)	(18.381.385.053)	(80.372.589.551)	(53.722.346.892)	
30		46.991.821.262	21.764.532.133	148.650.609.482	95.539.843.305	
31	22	603.932.489	4.551.185.919	4.084.211.521	9.432.190.825	
32	22	(424.304.288)	(448.306.446)	(1.826.483.549)	(3.262.234.034)	
40	22	179.628.201	4.102.879.473	2.257.727.972	6.169.956.791	
50		47.171.449.463	25.867.411.606	150.908.337.454	101.709.800.096	
51	24	(11.265.241.248)	(4.596.934.227)	(31.842.302.483)	(22.094.876.485)	
52		1.031.316.185	1.022.400.000	1.031.316.185	1.022.400.000	
60		36.937.524.400	22.292.877.379	120.097.351.156	80.537.323.611	

TP. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 01 năm 2019



Huỳnh Tuấn Kiệt
 Người lập biểu

Nguyễn Trần Tuyên
 Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		150.908.337.454	101.709.800.096
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.732.514.930	4.434.045.852
- Các khoản dự phòng	03		11.235.809.828	11.917.518.146
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(120.497.819)	(501.204.914)
- Chi phí lãi vay	06		31.371.622.918	22.150.006.505
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		198.127.787.311	139.710.165.685
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(166.906.278.945)	(115.155.811.871)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(435.684.563.609)	(155.396.437.498)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		344.431.751.626	(74.023.059.685)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.734.538.404)	1.294.568.425
- Tiền lãi vay đã trả	14		(30.892.973.110)	(22.150.006.505)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.349.065.297)	(19.664.402.217)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(124.007.880.428)	(245.384.983.666)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.587.457.724)	(531.360.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.900.000.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.753.250.000)	(20.826.405.700)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		120.497.819	501.204.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.220.209.905)	(15.956.560.786)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B03a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	10.000.000.000
- Tiền thu từ đi vay	33	3.378.091.323.189	2.832.736.574.321
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.173.917.680.861)	(2.554.361.160.991)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.480.222.400)	(27.720.194.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	171.693.419.928	260.655.218.730
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	37.465.329.595	(686.325.722)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	31.534.925.989	32.221.251.711
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	69.000.255.584	31.534.925.989

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019


Huỳnh Tuấn Kiệt
Người lập biểu

Nguyễn Trần Tuyên
Kế toán trưởng


Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 476 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 486).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cả một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Tiền mặt	599.102.198	141.493.270
Tiền gửi ngân hàng	68.401.153.386	31.393.432.719
TỔNG CỘNG	69.000.255.584	31.534.925.989

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Công Ty Cổ phần Thế Giới Di Động	208.195.431.744	99.788.699.006
Các khoản phải thu khách hàng khác	336.741.944.988	233.884.164.671
TỔNG CỘNG	544.937.376.732	359.812.394.004
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.863.440.948)	(8.804.827.367)
GIÁ TRỊ THUẦN	535.073.935.784	351.007.566.637
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	5.112.000.000	-

5.2 Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
TNS MOBILE OY	20.729.053.433	-
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	8.333.333.333	10.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	10.191.441.586	79.199.210.592
TỔNG CỘNG	39.253.828.352	89.199.210.592
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	8.333.333.333	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP.HCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngắn hạn	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tạm ứng cho nhân viên	234.273.584	506.838.855
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	32.874.099.492
Khác	1.610.813.244	418.049.975
TỔNG CỘNG	34.719.186.320	33.798.988.322
Dự phòng phải thu khác	(16.437.049.746)	(9.862.229.848)
GIÁ TRỊ THUẦN	18.282.136.574	23.936.758.474
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	3.824.037.706	2.171.230.000

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Hàng hóa	1.076.959.450.521	681.015.313.115
Hàng gửi đi bán	6.635.782.628	9.314.160.247
Hàng mua đang đi đường	226.964.676.073	184.219.174.247
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	262.000.000	588.698.004
TỔNG CỘNG	1.310.821.909.222	875.137.345.613
Dự phòng HTK	(7.240.580.923)	(3.638.204.574)
Gia trị thuần	1.303.581.328.299	871.499.141.039

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngắn hạn	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí hoạt động	7.792.744.217	2.645.152.763
Công cụ, dụng cụ	571.684.564	179.880.778
TỔNG CỘNG	8.364.428.781	2.825.033.541
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	175.212.971	54.157.757
Khác	524.339.541	450.251.591
TỔNG CỘNG	699.552.512	504.409.348

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09a-DN

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Số đầu kỳ	21.183.180.735	2.168.616.525	21.801.104.571	2.764.284.429	47.917.186.260
Mua sắm	-	2.249.096.364	-	-	2.249.096.364
Thanh lý	-	(68.572.000)	(590.500.000)	-	(659.072.000)
Số cuối kỳ	21.183.180.735	4.349.140.889	21.210.604.571	2.764.284.429	49.507.210.624
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(7.095.266.509)	(1.501.779.134)	(12.863.565.417)	(2.755.334.429)	(24.215.945.489)
Thanh lý	-	68.572.000	590.500.000	-	659.072.000
Khấu hao trong năm	(853.605.096)	(493.114.295)	(3.003.447.104)	(8.950.000)	(4.359.116.495)
Số cuối kỳ	(7.948.871.605)	(1.926.321.429)	(15.276.512.521)	(2.764.284.429)	(27.915.989.984)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	14.087.914.226	666.837.391	8.937.539.154	8.950.000	23.701.240.771
Số cuối kỳ	13.234.309.130	2.422.819.460	5.934.092.050	-	21.591.220.640

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	1.959.622.898	57.081.360.000	59.040.982.898
Mua sắm	<u>3.338.361.360</u>	<u>-</u>	<u>3.338.361.360</u>
Số cuối kỳ	<u>5.297.984.258</u>	<u>57.081.360.000</u>	<u>62.379.344.258</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(1.858.944.601)	-	(1.858.944.601)
Khấu hao trong năm	<u>(373.398.435)</u>	<u>-</u>	<u>(373.398.435)</u>
Số cuối kỳ	<u>(2.232.343.036)</u>	<u>-</u>	<u>(2.232.343.036)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	<u>100.678.297</u>	<u>57.081.360.000</u>	<u>57.182.038.297</u>
Số cuối kỳ	<u>3.065.641.222</u>	<u>57.081.360.000</u>	<u>60.147.001.222</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>	
	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Giá trị đầu tư VND</i>
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	100	<u>23.733.905.700</u>	100	<u>21.916.405.700</u>
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt	49,1	<u>2.945.750.000</u>		
Công ty TNHH B2X Care Solution Việt	-	<u>-</u>	25	<u>10.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Asus Global Pte. Ltd.	160.872.609.930	60.691.530.673
Acer Incorporated	69.340.043.677	64.369.163.723
Dell Global B.V (Singapore Branch)	89.084.467.500	19.260.718.750
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	20.479.762.500	19.001.241.350
Nhà cung cấp khác	205.031.199.223	59.064.604.418
TỔNG CỘNG	544.808.082.830	222.387.258.914
Trong đó:		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	2.204.495.154	2.009.290.154

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
LINGQI INT'L LOGISTICS (HK) LIMITED	2.663.725.683	-
Khác	9.707.991.934	653.079.909
TỔNG CỘNG	12.371.717.617	653.079.909

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Chiết khấu thương mại	5.410.910.645	3.944.893.842
Chi phí lãi vay	2.045.272.111	1.566.622.303
Chi phí hoạt động	4.567.612.715	1.433.551.446
TỔNG CỘNG	12.023.795.471	6.945.067.591

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.265.241.248	6.772.004.062
Thuế thu nhập cá nhân	223.492.393	607.947.900
TỔNG CỘNG	11.488.733.641	7.379.951.962

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

15. PHAI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu kỳ</i>
Ngắn hạn		
Phải trả Bảo hiểm Xã hội, công đoàn	2.322.876.550	1.531.502.492
Phải trả khác	3.326.515.840	1.494.428.625
Cộng	5.649.392.390	3.025.931.117
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.081.525	152.442.962
Nhận ký quỹ, ký cược	4.948.629.427	2.448.000.000
Cộng	4.950.710.952	2.600.442.962
TỔNG CỘNG	10.600.103.342	5.626.374.079

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09a-DN

16. VAY NGAN HẠN

	Số đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối kỳ
Ngân hạn Vay ngân hàng	620.944.447.016	3.378.091.323.189	(3.173.917.680.861)	825.118.089.344
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:				
<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Ngày đến hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức bảo đảm</i>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	210.152.238.774	Từ ngày 20/02/2019 đến 26/04/2019	Từ 5,7 đến 6,8	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho trị giá 6 triệu USD
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN Tp. HCM	211.100.000.000	Từ ngày 07/02/2019 đến 20/03/2019	Từ 6,0 đến 6,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	109.091.649.534	Từ ngày 08/03/2019 đến 05/04/2019	6,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	97.142.954.999	15/03/2019	5,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP.HCM	97.631.246.037	Từ ngày 22/03/2019 đến 29/03/2019	5,9	Không tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	100.000.000.000	Từ ngày 16/04/2019 đến 22/04/2019	6,7	Không tài sản thế chấp
TỔNG CỘNG	825.118.089.344			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09a-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	174.944.669.087	627.822.963.337
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	81.195.663.091	81.195.663.091
Chia cổ tức	-	-	-	-	(27.720.194.600)	(27.720.194.600)
Phát hành cổ phiếu ESOP	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	91.384.180.000	(91.384.180.000)	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>407.517.470.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>228.420.137.578</u>	<u>691.298.431.828</u>
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018						
Số đầu kỳ	407.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	228.420.137.578	691.298.431.828
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	120.097.351.156	120.097.351.156
Chia cổ tức	-	-	-	-	(32.480.222.400)	(32.480.222.400)
Số cuối kỳ	<u>407.517.470.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>316.037.266.334</u>	<u>778.915.560.584</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**17.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	40.751.747	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	40.751.747	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.751.747	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	40.600.278	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.600.278	30.461.860

18. DOANH THU**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	5.946.089.117.463	3.817.463.995.412
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.946.089.117.463	3.817.463.995.412
Các khoản giảm trừ doanh thu	(59.230.505.839)	(43.872.129.928)
Hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại	(59.230.505.839)	(43.872.129.928)
DOANH THU THUẦN	5.886.858.611.624	3.773.591.865.484

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	120.497.819	501.204.914
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.545.771.974	4.697.038.830
Chiết khấu thanh toán được hưởng	25.490.216.366	18.881.816.042
Khác	219.362.439	380.573.906
Cộng	32.375.848.598	24.460.633.692

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.537.841.978.984	3.510.267.852.656
	5.537.841.978.984	3.510.267.852.656

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí lãi vay	31.371.622.918	22.150.006.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.220.584.045	688.469.289
Khác	347.774.068	496.607.598
Cộng	37.939.981.031	23.335.083.392

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	55.981.979.891	48.087.765.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.997.746.644	13.144.538.483
Khác	42.449.594.639	53.955.068.943
	114.429.321.174	115.187.372.931
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	35.922.859.947	19.283.632.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.246.783.212	8.260.207.342
Chi phí bằng tiền khác	29.202.926.392	26.178.507.165
	80.372.569.551	53.722.346.892
TỔNG CỘNG	194.801.890.725	168.909.719.823

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
<i>Thu nhập khác</i>	4.084.211.521	9.432.190.825
Thu nhập khác	4.084.211.521	9.432.190.825
<i>Chi phí khác</i>	(1.826.483.549)	(3.262.234.034)
Các khoản chi phí khác	(1.826.483.549)	(3.262.234.034)
THU NHẬP THUẦN	<u>2.257.727.972</u>	<u>6.169.956.791</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
Chi phí mua hàng và dịch vụ	5.537.841.978.984	3.510.267.852.656
Chi phí nhân công	91.904.839.838	67.371.397.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.732.514.930	4.434.045.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.244.529.856	21.404.745.825
Chi phí bằng tiền khác	66.920.006.101	75.699.530.256
	<u>5.732.643.869.709</u>	<u>3.679.177.572.479</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế,

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế,

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND</i> <i>Kỳ trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	150.908.337.454	101.709.800.096
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	<u>31.842.302.483</u>	<u>22.094.876.485</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>31.842.302.483</u>	<u>22.094.876.485</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	1.842.205.000	645.401.975
Các khoản phải thu, phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L	Công ty con	Bán dịch vụ	5.112.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán</i>				
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam	Công ty liên kết	Trả trước dịch vụ	8.333.333.333	10.000.000.000
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	2.204.495.154	2.009.290.154
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:				
			<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lương và thưởng			531.060.000	1.484.004.676

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

26. CÁC CAM KẾT**26.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Dưới 1 năm	6.948.000.000	1.118.216.000
Từ 1 đến 5 năm	3.216.000.000	4.350.000.000
TỔNG CỘNG	10.164.000.000	5.468.216.000

26.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền VND	Phần vốn cam kết còn phải góp Số tiền VND
		Số tiền VND	%		
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	100.000.000.000	100.000.000.000	100	23.733.905.700	76.266.094.300

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


 Huỳnh Tuấn Kiệt
 Người lập biểu


 Nguyễn Trần Tuyên
 Kế toán trưởng



 Đoàn Hồng Việt
 Tổng Giám đốc

